

Thứ sáu, ngày 31 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ 950 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/2/2020		•	
Tuần 3/2-7/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục chìm trong sắc đỏ trong phiên cuối cùng của tháng 1. Giảm điểm mạnh trong cả phiên sáng và chiều, chỉ số lùi về mốc 936 điểm với thanh khoản khớp lệnh tăng mạnh. Độ rộng thị trường vẫn nghiêng về phía bên bán với 281 mã giảm điểm. Tác động tiêu cực của dịch cúm 2019-nCoV vẫn hiện diện khi nhóm các cổ phiếu VJC, HVN, PVT,... ghi nhận mức giảm mạnh. Bên cạnh đó, hoạt động tái cơ cấu danh mục của các quỹ mô phỏng theo VN30 trước khi sự thay đổi có hiệu lực cũng có tác động tiêu cực lên hai mã bị loại ra là DPM và GMD.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên hôm nay thuận theo trạng thái giảm chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 845 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 31/1/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở hầu hết ở trong trạng thái giảm. Khối lượng giao dịch tăng so với phiên hôm trước.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngành Dược_6.2%. 4/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **6.2%**, con số này của VNINDEX là -2.4%

Phân tích kỹ thuật: CTD_Tin hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Báo cáo ngắn: Cập nhật tình hình dịch cúm 2019-nCoV và ảnh hưởng tới thị trường

Điểm nhấn

- VN-Index **-22.96 điểm**, đóng cửa 936.62. HNX-Index **-1.75 điểm**, đóng cửa 102.36.
- Kéo chỉ số tăng: **DHG (+0.27); VHM (+0.09); PME (+0.07); CTD (+0.06); CTG (+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-3.93); GAS (-2.96); VJC (-1.43); BID (-1.41); TCB (-1.28)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,021 tỷ đồng**, **+3%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 24.34 điểm. Thị trường có 73 mã tăng, 43 mã tham chiếu và 281 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **22.74 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (50.80 tỷ), CTG (28.61 tỷ) và VIC (19.57 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **2.68 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

936.62

Giá trị: 4021.79 tỷ

-22.96 (-2.39%)

Khối ngoại (ròng): -22.74 tỷ

HNX-INDEX

102.36

Giá trị: 485.9 tỷ

-1.75 (-1.68%)

Khối ngoại (ròng): -2.68 tỷ

UPCOM-INDEX

55.13

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.6 (-1.08%)

Khối ngoại(ròng): 8.71 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.7	1.04%
Giá vàng	1,579	0.30%
Tỷ giá USD/VND	23,223	0.19%
Tỷ giá EUR/VND	25,571	-0.41%
Tỷ giá JPY/VND	21,305	0.13%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	6.25%
LS TPCP 5 năm	2.0%	1.68%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	48.1	VNM	51.2
VPB	31.7	CTG	28.5
VHM	31.3	VIC	19.5
GAS	12.2	VJC	16.5
NT2	10.6	HPG	14.4.

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Báo cáo ngắn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **4/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **6.2%**, con số này của VNINDEX là -2.4%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **1/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **0/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_6.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngành Dược	6.2%	12.2%	9.2%	8.0%	9.8%	18.3%	61.5%	16.9%
Ngân hàng	-2.0%	-4.0%	3.7%	2.0%	13.6%	22.3%	81.9%	21.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-2.2%	-4.1%	2.9%	-2.1%	7.5%	11.0%	46.3%	19.5%
VN FinSelect	-2.3%	-4.0%	1.9%	-2.9%	5.1%	7.5%	37.0%	17.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-2.5%	-4.3%	-3.0%	-6.8%	-5.7%	3.2%	71.1%	13.7%
BĐS & Khu công nghiệp	-2.7%	-5.2%	-6.1%	-9.2%	-6.7%	0.9%	48.9%	16.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-2.7%	-2.5%	-4.4%	-2.1%	-4.9%	7.9%	38.4%	14.5%
Vật liệu Xây dựng	-2.8%	-3.1%	-2.7%	-7.6%	-0.8%	5.9%	6.4%	18.6%
FTSE Việt Nam	-2.8%	-4.0%	-2.3%	-6.1%	-4.0%	4.6%	79.6%	14.8%
Hàng tiêu dùng	-2.9%	-5.6%	-5.4%	-16.3%	-10.0%	-2.8%	46.8%	17.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.9%	-5.6%	-5.1%	-10.5%	-14.9%	-12.3%	32.1%	21.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-2.9%	-5.3%	-0.7%	-4.3%	9.2%	29.1%	99.1%	19.3%
Xây dựng	-3.4%	-3.3%	-4.7%	-16.7%	-16.9%	-19.0%	8.3%	18.2%
VN Diamond	-3.5%	-5.4%	-2.7%	-8.6%	5.4%	12.9%	60.4%	17.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-3.5%	-5.5%	-2.9%	-7.6%	1.1%	8.7%	55.8%	15.3%
Lãi suất giảm	-3.5%	-2.7%	-1.5%	-10.0%	-7.1%	-3.3%	43.5%	18.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	-3.8%	-5.8%	-4.0%	-9.2%	3.7%	11.8%	63.9%	17.3%
Chiến tranh thương mại	-3.8%	-4.7%	-5.5%	-12.8%	-13.7%	-3.5%	5.6%	15.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-3.8%	-6.2%	-3.9%	-11.2%	-4.3%	0.4%	46.2%	14.5%
Nước & Năng lượng	-4.8%	-4.1%	-7.7%	-10.4%	-9.9%	-2.3%	35.1%	14.5%
Dầu khí	-5.3%	-5.3%	-9.1%	-15.0%	-19.6%	-4.7%	10.5%	22.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 2	-2.0%	-3.8%	-2.6%	-8.3%	-4.1%	9.1%	100.2%	16.2%
Danh mục 17	-2.7%	-4.6%	-3.2%	-9.3%	-3.7%	8.4%	109.4%	19.2%
Danh mục 7	-2.8%	-2.8%	-3.7%	-9.7%	-4.2%	2.3%	58.6%	16.0%
Danh mục 10	-4.5%	-6.2%	-5.0%	-8.2%	-2.4%	7.9%	50.1%	16.6%
Danh mục 15	-4.9%	-7.4%	-7.9%	-14.0%	-8.4%	-1.8%	46.0%	18.0%

* Note **1/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	-3.5%	-5.7%	-2.9%	-8.0%	2.2%	20.1%	95.9%	16.9%
Danh mục 22	-3.7%	-6.3%	-5.5%	-9.8%	-0.4%	14.9%	53.4%	16.4%
Danh mục 19	-3.7%	-6.9%	-5.5%	-9.1%	1.2%	14.2%	51.0%	15.3%
Danh mục 24	-4.2%	-6.8%	-7.0%	-13.2%	-10.0%	12.5%	80.6%	20.3%
Danh mục 21	-4.4%	-6.6%	-4.1%	-9.3%	0.6%	10.9%	50.6%	15.8%

* Note **0/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-2.4%	-4.3%	-2.5%	-6.0%	-5.0%	3.3%	36.7%	15.4%
VN30INDEX	-3.1%	-5.2%	-2.8%	-8.4%	-3.3%	-1.2%	32.6%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

1/31/2020

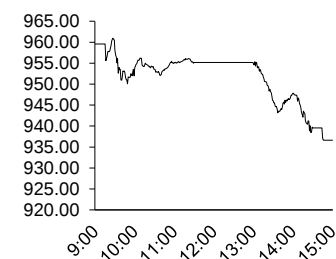
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

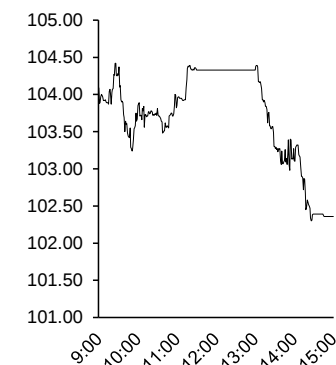
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	5.1%
Truyền thông	0.2%
Viễn thông	0.0%
Ô tô và phụ tùng	-0.3%
Bất động sản	-0.5%
Ngân hàng	-1.5%
Xây dựng và Vật liệu	-1.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.1%
Bán lẻ	-2.5%
Dịch vụ tài chính	-2.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.7%
Hóa chất	-3.6%
Thực phẩm và đồ uống	-4.2%
Công nghệ Thông tin	-4.4%
Tài nguyên Cơ bản	-4.5%
Dầu khí	-4.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.9%
Bảo hiểm	-5.2%
Du lịch và Giải trí	-6.3%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

CTD_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: CTD đang có dấu hiệu hồi phục khá tích cực sau khi tích lũy ngắn quanh ngưỡng giá 50. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt mức trung bình 20 phiên trong phiên hồi phục gần nhất, cho thấy động lực tăng đang mạnh dần. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lại dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đang hình thành. Như vậy, cổ phiếu CTD có thể tăng trở lại ngưỡng hỗ trợ cũ tại mức giá 63 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 31/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 31/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	52.95	-0.83%	-4.74%	-12.84%	-1.56%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.96	-1.22%	-4.97%	-10.97%	-4.73%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.53	-0.45%	-2.57%	-10.08%	12.58%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1575.12	-0.12%	0.76%	3.77%	19.26%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.85	1.39%	0.40%	0.17%	11.12%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	878.78	-1.55%	-3.42%	-7.73%	-3.99%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	562.31	0.04%	-3.09%	0.45%	8.77%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.05	-0.06%	0.29%	-11.75%	21.61%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	160.00	-2.62%	-4.93%	-9.86%	-12.38%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.59	0.69%	0.14%	8.72%	14.61%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.44	-7.22%	-7.22%	-2.40%	-16.44%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	101.35	-0.69%	-9.86%	-21.74%	-4.15%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.55	-0.67%	-6.84%	-8.91%	-8.68%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3620.00	-1.60%	-4.09%	-3.23%	-3.21%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1737.00	-0.86%	-3.98%	-4.93%	-9.06%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	96.50	0.00%	0.00%	4.89%	14.20%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	67.28	-0.33%	-2.02%	-2.61%	-31.90%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent hạn tháng 3 giảm 1.52 USD hay 2.5% xuống 58.29 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI cũng kỳ hạn giảm 1.19 USD hay 2.2% xuống 52.14 USD/thùng.
- Giá dầu giảm hơn 2% xuống mức thấp nhất trong 3 tháng do lo ngại về tác động của virus corona tới nền kinh tế và thị trường này cũng xem xét về khả năng một cuộc họp sớm của OPEC.
- Các công ty đa quốc gia đóng cửa hoạt động tại Trung Quốc và các hãng hàng không trên khắp thế giới tạm dừng hoặc giảm các chuyến bay trực tiếp đến Trung Quốc khi chính phủ đưa ra cảnh báo về du lịch và số lượng hành khách giảm.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.5% lên 1,583.93 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 2/2020 tăng 0.8% lên 1,583.5 USD/ounce.
- Vàng tiếp tục tăng được hỗ trợ bởi lo ngại về sự bùng phát nhanh chóng virus corona ở Trung Quốc tác động tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Lo ngại về tăng trưởng tại nền kinh tế lớn thứ hai thế giới khiến các thị trường tài chính bị bán tháo, thúc đẩy các nhà đầu tư chuyển sang các tài sản an toàn như vàng, JPY của Nhật và franc Thụy Sĩ.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.10 US cent hay 0.7% lên 14.59 US cent/lb. Đường trắng giao cùng kỳ hạn cũng tăng 1.4 USD hay 0.3% lên 408.2 USD/tấn.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.55 US cent hay 0.5% xuống 1.015 USD/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 1 USD hay 0.1% xuống 1,304 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn TOCOM giảm 5,7 JPY hay 3.1% xuống 180 JPY (1.64 USD)/kg. Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) giảm hơn 3%, lấy đi gần hết mức tăng trong phiên trước, khi số người chết vì virus corona gia tăng làm dấy thêm nỗi lo về suy giảm kinh tế tại Trung Quốc, quốc gia nhập khẩu cao su hàng đầu thế giới.

Cập nhật tình hình dịch cúm 2019-nCoV và ảnh hưởng tới thị trường

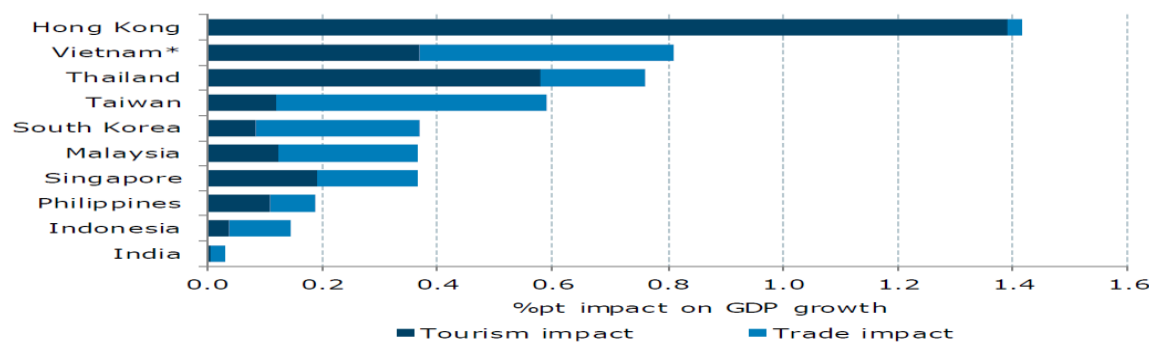
Thông tin chung

- Cuối tháng 12/2019, một loại virus lạ từ chợ hải sản ở Vũ Hán, Trung Quốc đã khiến 6 người tử vong và hơn 300 người nhập viện. Tới 31/01, đã có 9,776 ca nhiễm, 213 người tử vong, và 87 người hồi phục. Hiện tại, WHO đã tuyên bố "Tình Trạng Khẩn Cấp Y Tế Toàn Cầu".
- So sánh với các đợt dịch trước, 2019-nCoV không nghiêm trọng như SARS trên phương diện gây tử vong mặc dù có thể lây lan nhanh. SARS, MERS và EBOLA đều được kiểm soát. Tác động của các đợt dịch là không đáng kể đối với kinh tế toàn cầu. GDP toàn cầu tăng 2.96% năm 2003 (theo World Bank), và tăng 2.65% quý 02/2003 (theo IMF).
- Các nhà khoa học viện Peter Doherty phát triển được phiên bản phòng thí nghiệm của virus này, bước đầu tiên tiến tới tìm ra vaccine.

Ảnh hưởng của dịch cúm 2019-nCoV:

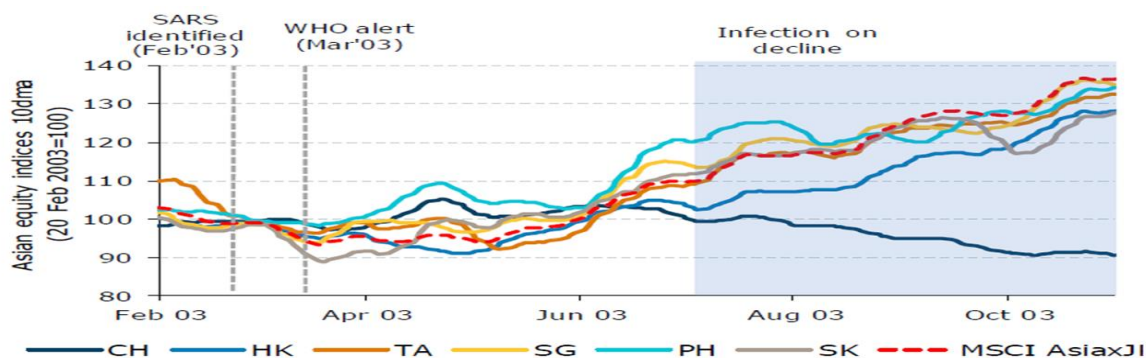
Dựa trên ảnh hưởng của các đợt dịch trước như SARS, MERS, EBOLA, BSC có đưa ra một số đánh giá về ảnh hưởng của đợt dịch 2019-nCoV tới vĩ mô và thị trường như sau:

(1) Xét về vĩ mô Việt Nam: Du lịch và các ngành liên quan chịu tác động tiêu cực nhất. Dựa trên tính toán của ANZ, nếu lượng khách Trung Quốc giảm 75% trong quý này, xuất khẩu du lịch đối với TQ có thể giảm bằng 0.24% GDP năm 2019; trong khi nếu xuất khẩu tới Trung Quốc giảm 20% trong quý này, xuất khẩu hàng hóa tới Trung Quốc có thể giảm bằng 0.59% GDP năm 2019. Tuy vậy, GDP các nước bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch SARS đã phục hồi tích cực sau giai đoạn cao điểm của dịch, cho thấy tình trạng tiêu cực có thể sẽ không kéo dài.



Hình 1. Biểu đồ thể hiện ước tính tác động của 2019-nCoV tới tăng trưởng GDP các nước khu vực theo ANZ

(2) Xét về TTCK Việt Nam và các nước: Các đợt dịch bệnh gần nhất, ảnh hưởng trong thời gian cao điểm trước khi không chế được dịch bệnh là khá lớn với TTCK các nước tâm dịch, và phục hồi sau khi dịch bệnh tạo đỉnh, và được kiểm soát. Trung bình trong khoảng thời gian dịch bắt đầu bị kiểm chế, TTCK thế giới thường tăng lại mạnh.



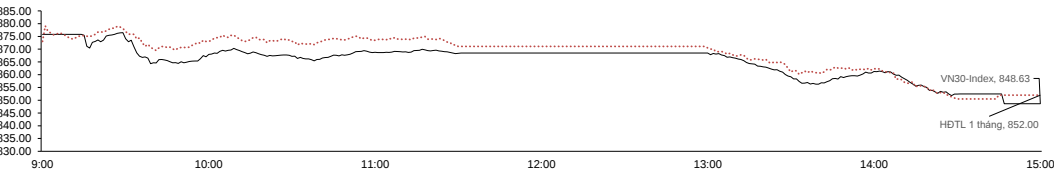
Source: Bloomberg, WHO, CDC, ANZ Research

Hình 2. TTCK các nước khu vực tâm dịch giai đoạn SARS

(3) Xét về nhóm ngành: Ngoài tác động tiêu cực rõ rệt trong ngắn hạn đến các ngành như Hàng không (VJC, HVN), Cảng biển (GMD, VSC), Vận tải biển (VOS, VFR), Bán lẻ (VNM, LTG), BSC cũng lưu ý thêm về ngành Thủy sản (ANV, IDI) và Bất động sản (NVL, NDN) có thể chịu ảnh hưởng tiêu cực trong trung hạn. Đồng thời, cổ phiếu thuộc ngành Dược phẩm (DHG, DBD) có thể hưởng lợi trong ngắn hạn.

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	852.00	-2.41%	3.37	31.9%	139324	2/20/2020	20
VN30F2003	856.00	-2.27%	7.37	3.9%	350	3/19/2020	48
VN30F2006	860.10	-1.83%	11.47	-46.0%	94	6/18/2020	139
VN30F2009	862.20	-1.89%	13.57	-42.6%	39	9/17/2020	230

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm 22.96 điểm xuống mức 848.63 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VJC, TCB, HPG và FPT tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 giảm dần trong suốt thời gian giao dịch. VN30 có thể sẽ tiếp cận lại ngưỡng 830 trong những phiên tới.

• Các HDTL đồng loạt giảm điểm trong phiên hôm nay thuận theo trạng thái giảm chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2002 và VN30F2003 tăng trong khi VN30F2006 và VN30F2009 lại giảm. Bên cạnh đó, chỉ duy nhất VN30F2002 tăng về vị thế mở, còn các hợp đồng còn lại đều giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 845 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVHM1903	MBS	3/17/2020	46	5:1	20,500	583.3%	1.5 triệu	21.79%	2,000	1,600	5.26%	951.70	1.68
CVHM1902	SSI	4/22/2020	82	1:1	70,930	45.7%	1.0 triệu	21.79%	18,600	9,960	2.68%	5,491.80	1.81
CVIC1902	SSI	4/22/2020	82	1:1	10,160	50.5%	1.0 triệu	14.54%	22,700	10,910	-2.33%	3,678.30	2.97
CHPG1907	SSI	4/22/2020	82	1:1	162,330	-4.0%	1.0 triệu	25.89%	4,200	5,600	-6.67%	3,473.90	1.61
CSTB2001	KIS	6/19/2020	140	1:1	129,720	172.7%	5.0 triệu	19.52%	1,500	1,240	-6.77%	261.40	4.74
CMWG2001	HSC	6/22/2020	143	10:1	79,340	-12.7%	5.0 triệu	23.18%	1,700	1,580	-7.06%	548.10	2.88
CVPB1901	VND	3/5/2020	34	1:1	250,720	79.4%	2.0 triệu	22.40%	3,500	4,800	-7.69%	4,529.60	1.06
CMBB1903	SSI	4/22/2020	82	1:1	205,890	121.3%	3.0 triệu	19.13%	4,000	1,500	-10.71%	380.90	3.94
CREE1905	MBS	6/17/2020	138	3:1	466,220	62.6%	2.4 triệu	23.58%	2,150	1,550	-13.89%	384.00	4.04
CMBB1905	HSC	4/8/2020	68	2:1	125,200	-55.0%	5.0 triệu	19.13%	1,700	550	-16.67%	60.40	9.11
CREE1903	SSI	4/22/2020	82	1:1	149,510	1085.6%	1.0 triệu	23.58%	7,600	3,190	-16.71%	279.70	11.41
CHPG1909	KIS	5/15/2020	105	2:1	525,370	16.2%	5.0 triệu	25.89%	1,800	1,290	-16.77%	610.90	2.11
CFPT1908	MBS	6/17/2020	138	3:1	279,250	10.6%	2.4 triệu	22.39%	3,150	2,000	-17.01%	797.50	2.51
CFPT1905	SSI	4/22/2020	82	1:1	53,530	-57.6%	1.0 triệu	22.39%	9,900	3,850	-23.31%	1,246.40	3.09
CMWG1907	HSC	4/8/2020	68	10:1	500,370	142.2%	5.0 triệu	23.18%	1,900	540	-23.94%	77.70	6.95
CTCB1902	VND	6/5/2020	126	1:1	190,860	-82.3%	2.0 triệu	22.82%	5,300	3,600	-30.77%	1,661.80	2.17
CVNM1903	SSI	4/22/2020	82	1:1	46,940	-36.0%	1.0 triệu	19.74%	26,600	8,000	-32.72%	948.80	8.43
CFPT1906	HSC	4/8/2020	68	5:1	781,250	2000.7%	5.0 triệu	22.39%	1,700	550	-33.73%	113.40	4.85
CVJC1902	SSI	4/22/2020	82	1:1	43,310	218.9%	1.0 triệu	16.89%	27,900	13,140	-35.01%	4,969.80	2.64
CVNM1904	HSC	4/8/2020	68	10:1	288,950	2977.2%	5.0 triệu	19.74%	1,900	340	-38.18%	3.90	87.18
CVNM1906	VND	3/5/2020	34	2:1	97,550	-13.8%	1.0 triệu	19.74%	8,100	2,190	-42.82%	341.90	6.41
CGMD1901	MBS	4/28/2020	88	3:1	77,990	876.1%	1.5 triệu	21.68%	1,680	200	-44.44%	2.30	86.96
CVJC1901	KIS	2/26/2020	26	10:1	3,230	16050.0%	5.0 triệu	16.89%	1,800	320	-54.29%	8.00	40.00
Tổng:					2,528,670		33.80 triệu	21.80%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
					**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 31/1/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở hầu hết ở trong trạng thái giảm. Khối lượng giao dịch tăng so với phiên hôm trước.

• Về giá, CVHM1903 và CVHM1902 tăng mạnh nhất lần lượt là 5.26% và 2.68%, ở chiều hướng ngược lại, CVJC1901 và CGMD1901 giảm mạnh nhất lần lượt là 54.29% và 44.44%. Thanh khoản thị trường tăng 13.21%. CFPT1906 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.75% thị trường.

• Tất cả chứng quyền có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết. CVPB1901 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
CTD	55.70	5.29	0.13
VHM	87.50	0.11	0.05
CTG	24.40	0.21	0.02
MSN	50.10	0.00	0.00
NVL	55.10	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	108.5	-6.95	-5.60
TCB	21.6	-5.68	-4.07
VJC	130.2	-7.00	-3.53
HPG	24.1	-4.74	-2.73
FPT	52.0	-4.94	-2.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM1903	94,500	84,500	87,500
CVHM1902	103,600	85,000	87,500
CVIC1902	137,700	115,000	114,800
CHPG1907	25,200	21,000	24,100
CSTB2001	12,499	10,999	10,200
CMWG2001	132,000	115,000	110,800
CVPB1901	21,500	18,000	22,450
CMBB1903	26,000	22,000	20,800
CREE1905	41,050	34,600	33,900
CMBB1905	26,400	23,000	20,800
CREE1903	43,600	36,000	33,900
CHPG1909	28,280	24,680	24,100
CFPT1908	63,450	54,000	52,000
CFPT1905	64,900	55,000	52,000
CMWG1907	144,000	125,000	110,800
CTCB1902	26,300	21,000	21,600
CVNM1903	145,580	118,980	108,500
CFPT1906	65,500	57,000	52,000
CVJC1902	157,900	130,000	130,200
CVNM1904	152,000	133,000	108,500
CVNM1906	130,225	114,025	108,500
CGMD1901	29,682	24,928	19,100
CVJC1901	163,678	145,678	130,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.8	-2.8%	0.8	2,183	7.0	8,655	12.8	4.0	50.1%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	84.3	-3.9%	1.0	825	7.8	5,327	15.8	4.2	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	58.8	-6.8%	1.2	1,898	0.5	1,553	37.9	2.6	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	30.6	-1.9%	0.7	307	0.2	2,859	10.7	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.8	-0.1%	1.1	16,883	4.1	1,589	72.2	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	30.1	-2.9%	1.1	2,969	3.1	1,033	29.1	2.5	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.1	0.0%	0.8	2,323	1.8	3,187	17.3	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	33.9	-5.3%	1.1	457	2.4	5,286	6.4	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	11.6	-6.9%	1.4	262	1.5	2,849	4.1	0.9	45.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.7	-4.3%	1.4	399	3.4	1,708	10.4	0.9	55.2%	9.4%
VCI	Chứng khoán	26.8	-0.7%	1.0	192	0.1	4,218	6.4	1.1	36.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.3	-6.8%	1.4	256	1.8	1,421	13.5	1.4	56.3%	11.7%
FPT	Công nghệ	52.0	-4.9%	0.9	1,533	9.5	4,225	12.3	2.6	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	10.8%	0.4	487	0.1	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	86.5	-6.0%	1.6	7,198	2.1	6,096	14.2	3.4	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	53.0	-4.3%	1.5	2,744	1.6	3,467	15.3	2.9	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	16.3	-5.8%	1.6	339	3.2	1,529	10.7	0.6	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.6	-7.3%	0.8	1,025	1.0	1,163	6.5	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	99.5	7.0%	0.6	566	0.4	4,668	21.3	3.9	54.4%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.6	-6.8%	0.7	197	0.6	902	12.9	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	5.9	-0.7%	0.6	136	0.0	625	9.5	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	88.7	-0.2%	1.2	14,303	4.9	5,004	17.7	3.8	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	51.5	-2.3%	1.5	9,006	2.6	2,398	21.5	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	24.4	0.2%	1.6	3,950	12.7	2,541	9.6	1.2	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	22.5	-1.1%	1.2	2,379	4.6	3,370	6.7	1.3	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.8	-2.1%	1.1	2,103	7.4	3,480	6.0	1.2	20.9%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.0	-2.5%	1.1	1,657	4.3	3,686	6.2	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	42.5	-4.5%	0.8	151	0.2	5,165	8.2	1.4	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	30.3	-5.3%	0.3	129	0.1	4,167	7.3	1.2	20.4%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.8	-1.3%	1.2	637	0.0	732	20.2	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.1	-4.7%	0.9	2,893	11.9	2,581	9.3	1.5	38.6%	17.4%
HSG	Thép	8.2	-5.9%	1.7	150	3.2	1,161	7.0	0.6	18.3%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	108.5	-6.9%	0.7	8,215	9.3	5,478	19.8	6.9	58.8%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	212.0	-2.8%	0.8	5,911	0.2	7,477	28.4	7.2	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.1	0.0%	1.1	2,546	1.7	4,772	10.5	1.4	39.2%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	18.6	-0.3%	0.6	473	1.1	508	36.6	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	64.6	0.3%	0.8	6,115	0.3	2,630	24.6	4.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	130.2	-7.0%	1.1	2,965	2.8	9,850	13.2	5.0	19.5%	43.3%
HVN	Vận tải	28.5	-6.9%	1.7	1,754	1.4	1,640	17.3	2.2	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	19.1	-6.8%	0.8	247	1.9	1,595	12.0	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.8	-3.5%	0.6	169	0.2	2,421	5.7	0.9	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.5	-3.4%	1.1	456	0.7	8,824	7.4	3.0	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.1	0.3%	0.8	352	0.2	1,454	12.4	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	-0.7%	0.9	244	0.0	1,953	7.5	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	55.7	5.3%	0.9	185	0.7	8,858	6.3	0.5	47.1%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.3	-1.9%	1.1	486	0.1	1,567	16.1	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.5	-2.0%	0.4	264	0.1	1,750	14.0	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	10.5	-5.4%	0.6	1,069	1.2	820	12.8	1.0	13.5%	7.8%
NT2	Điện	19.3	-2.8%	0.6	241	0.1	2,577	7.5	1.3	18.5%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHG	99.50	6.99	0.25	92670.00
VHM	87.50	0.11	0.10	1.28MLN
PME	57.50	5.50	0.07	83580.00
CTD	55.70	5.29	0.07	299400.00
CTG	24.40	0.21	0.05	11.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHT	53.50	9.86	0.07	139000.00
AMV	22.00	10.00	0.06	1.24MLN
V21	31.50	6.78	0.02	2900.00
MBG	15.00	7.14	0.02	500.00
API	15.70	9.79	0.02	2100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	108.50	-6.95	-4.11	1.92MLN
GAS	86.50	-5.98	-3.07	551680.00
VJC	130.20	-7.00	-1.55	489090.00
BID	51.50	-2.28	-1.41	1.15MLN
TCB	21.60	-5.68	-1.33	6.12MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.00	-2.54	-0.98	4.24MLN
PVS	16.30	-5.78	-0.25	4.33MLN
VCS	65.50	-3.39	-0.08	227400.00
DGC	24.60	-3.91	-0.07	223000.00
SZB	32.00	-9.86	-0.05	1800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CIG	2.14	7.00	0.00	11600.00
DHG	99.50	6.99	0.25	92670.00
SSC	48.45	6.95	0.01	500.00
BSI	9.41	6.93	0.02	86900.00
DAT	18.55	6.92	0.02	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AMV	22.00	10.0	0.06	1.24MLN
EVS	9.90	10.0	0.01	4600.00
FID	1.10	10.0	0.00	13600.00
BTW	57.70	9.9	0.01	100.00
DNM	10.00	9.9	0.00	2300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPG	27.90	-7.00	-0.03	176350.00
VJC	130.20	-7.00	-1.55	489090.00
AGF	3.46	-6.99	0.00	240.00
ANV	19.30	-6.99	-0.05	227110.00
LMH	2.53	-6.99	0.00	9440.00

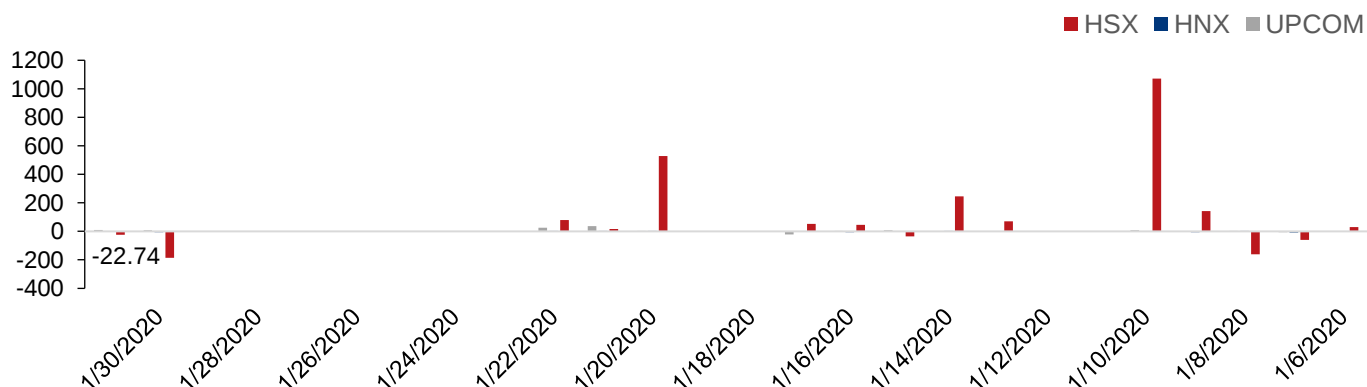
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	-12.50	0.00	293300.00
HKB	0.70	-12.50	-0.01	176500.00
VIG	0.70	-12.50	0.00	121000.00
DST	0.90	-10.00	0.00	324800.00
SCI	9.00	-10.00	-0.01	158200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.5	5,020	5.5	1.3	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	84.3	5,327	15.8	4.2	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.8	2,421	5.7	0.9	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	160.0	29,035	5.5	4.3	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.3	0	38.0	0.4	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	110.8	8,655	12.8	4.0	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.0	3,686	6.2	1.4	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	11.5	2,736	4.2	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	21.6	2,881	7.5	1.2	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	115.4	6,216	18.6	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	88.7	5,004	17.7	3.8	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	27.5	7,028	3.9	1.4	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	52.0	4,225	12.3	2.6	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.7	3,897	6.1	1.1	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	16.8	2,236	7.5	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	32.5	2,846	11.4	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	50.1	4,772	10.5	1.4	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	108.5	5,478	19.8	6.9	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	20.9	3,700	5.6	1.3	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	33.9	5,286	6.4	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn